

**BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **456/TCT-CLĐT**


Hà Nội, ngày **28** tháng 3 năm 2017

V/v: Công bố thông tin theo quy định tại ND số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ

Kính gửi: - Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước, Tổng công ty Sông Đà xin báo cáo các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện SXKD, đầu tư năm 2016 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2017: Phụ lục số 01 kèm theo.
2. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp năm 2016 và kế hoạch sắp xếp năm 2017: Phụ lục số 02 kèm theo.
3. Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng năm 2016 và kế hoạch năm 2017: Phụ lục số 03 kèm theo.

Tổng công ty Sông Đà kính báo cáo Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch & Đầu tư./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT (b/c);
- TGD, các PTGD TCT;
- Ban biên tập Website TCT (để công bố TT);
- Lưu VP, CLĐT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**





Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01:
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2016
VÀ KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2017
CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

I. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	%HTKH
A	KẾ HOẠCH SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	14.500	16.250	112
1	Tổng thầu XD và EPC	10 ⁹ đ	9.300	9.350	101
2	Sản xuất điện	10 ⁹ đ	3.300	3.420	104
3	Kinh doanh nhà	10 ⁹ đ	1.000	1.940	194
4	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	900	1.540	171
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	12.600	13.599	108
2	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	580	783	135
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	215	370	172
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁹ đ	3.500	2.945	84

II. Đánh giá chung:

Năm 2016 hoạt động SXKD của Tổng công ty Sông Đà trong bối cảnh hầu hết công trình thủy điện trọng điểm do TCT làm tổng thầu đã cơ bản hoàn thành công tác xây lắp, chuyển sang giai đoạn vận hành phát điện nên giá trị tổng thầu XD và EPC bị thiếu hụt; Bên cạnh đó các nhà máy thủy điện của TCT thiếu nước để phát điện do chịu ảnh hưởng của Elnino, nhưng toàn Tổng công ty đã tìm mọi biện pháp, tìm kiếm việc làm để đảm bảo nhiệm vụ SXKD. Vì vậy, năm 2016 TCT đã đạt được kết quả chủ yếu như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra: Tổng giá trị SXKD đạt 112%KHN, Doanh thu đạt 108%KHN, Lợi nhuận trước thuế đạt 172%KHN, Nộp Nhà nước đạt 135%KHN.
- Tổng công ty đã tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình

trọng điểm: Hoàn thành phát điện TM2 TĐ Huội Quảng; Đặc biệt tại thủy điện Lai Châu đã hoàn thành phát điện 2TM và khánh thành công trình vào 20/12/2016, vượt 1 năm so với tiến độ được phê duyệt.

3. Về đầu tư: đã tập trung giải quyết các vướng mắc, đẩy mạnh đầu tư các dự án, đưa vào vận hành 3 nhà máy thủy điện: Xêkaman 1 (TM1 vào 28/8 và TM2 vào 03/12/2016), Đăklô (tháng 1/2016), Tôbuong (tháng 7/2016).

4. Về sắp xếp, tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Cơ bản hoàn thành kế hoạch thoái vốn: Chuyển giao phần vốn nhà nước của TCT Sông Đà tại CTCP XMHL về Vicem; Hoàn thành thoái vốn 5 đơn vị.

- Về Cổ phần hóa:

+ Công ty TNHH MTV phát triển nhà Khánh Hòa: Hoàn thành CPH, công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2016;

+ Công ty mẹ TCT: BXD đã trình Thủ tướng Chính phủ phương án CPH Công ty mẹ TCT. Thực hiện nội dung văn bản số 32/BXD-QLDN ngày 12/12/2016 của Bộ Xây dựng, văn bản số 10380/VPCP-ĐMDN ngày 01/12/2016 của Văn phòng Chính phủ, TCT đã rà soát, hoàn chỉnh lại Phương án cổ phần hóa và đã báo cáo Bộ Xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đã xây dựng và trình Bộ phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020.

5. Về công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm: Toàn Tổng công ty đã trúng và nhận thầu với tổng giá trị là giá trị gần 10.000 tỷ đồng, trong đó riêng Công ty mẹ TCT (thành viên liên danh) đã trúng thầu, ký hợp đồng và triển khai thi công TĐ Nam Theun 1 tại Lào với giá trị 3.448 tỷ đồng.

B. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017:

Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà có những thuận lợi và khó khăn chính như sau:

1. Thuận lợi:

- Đội ngũ cán bộ của TCT có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, có lực lượng công nhân lành nghề phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính.

- Có lực lượng xe máy thiết bị, đáp ứng được yêu cầu thi công các dự án có qui mô lớn.

- Tổng công ty chuyển sang mô hình cổ phần, mở ra cơ chế linh hoạt trong hoạt động SXKD và đầu tư của TCT.

2. Khó khăn:

- Hầu hết các công trình thủy điện lớn ở trong nước thuộc thế mạnh của TCT đã kết thúc. Bên cạnh đó, TCT tham gia vào các phân khúc xây lắp khác phải cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp trong và ngoài nước nên áp lực việc làm cho CBCNV và lực lượng xe máy thiết bị của TCT rất lớn.

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2017	
			Tổ hợp Sông Đà	Công ty mẹ - TCT Sông Đà
A	Kế hoạch sản xuất kinh doanh			
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	12.000	2.400
1	Tổng thầu XD và EPC	10 ⁹ đ	7.750	1.525
2	Sản xuất điện	10 ⁹ đ	3.000	320
3	Kinh doanh nhà	10 ⁹ đ	250	45
4	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	1.000	510
II	Các chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	10.700	1.964
2	Tổng số nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	500	40
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	320	116
4	Tỷ suất lợi nhuận:			
	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3	5,9
	Lợi nhuận /VCSH	%	3,8	2,64
5	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	8.500	4.500
6	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	27.000	14.500
B	Kế hoạch đầu tư	10 ⁹ đ	1.300	

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Về sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành mục tiêu, tiến độ, chất lượng và an toàn xây lắp các công trình trọng điểm, đặc biệt đưa vào phát điện TĐ: Xekaman San Xay; Hoàn thành hầm Đèo Cả, đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Đảm bảo các mục tiêu tại TĐ Nam Theun 1 tại Lào; Triển khai thi công phương án dài hạn tại thủy điện Xekaman 3.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất điện, thực hiện vận hành nhà máy đảm bảo an toàn, đẩy mạnh phát điện vào giờ cao điểm, mùa khô, đồng thời tranh thủ những tháng mùa khô có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ thiết bị để đảm bảo vận hành an toàn nhà máy điện trong mùa mưa với sản lượng cao nhất, hạn chế tối đa việc xả nước qua đập tràn.
- Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh đô thị, nhà ở phải tìm mọi biện pháp để thực hiện đầu tư và kinh doanh bán hàng tại dự án Nam An Khánh, Văn La – Văn Khê, Hồ Xương Rồng, Liễu Giai và các dự án khác theo kế hoạch đề ra.

2. Về công tác Đầu tư:

Năm 2017, tiếp tục thực hiện rà soát các thủ tục đầu tư các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước và Tổng công ty; Cân đối nguồn lực để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành thuộc ngành nghề kinh doanh chính. Giá trị kế hoạch đầu tư năm 2017 là 1.300 tỷ đồng:

- Tiếp tục tìm mọi giải pháp, tháo gỡ khó khăn để đưa các tổ máy thủy điện Xekaman Xan xây, Nậm Ly 1 vào phát điện; Thực hiện đầu tư dự án TĐ Pake đảm bảo tiến độ đề ra.
- Đôn đốc Chủ đầu tư sớm phê duyệt thiết kế và thu xếp nguồn vốn để triển khai thi công phương án dài hạn thủy điện Xekaman 3.
- Rà soát năng lực thiết bị thi công của các đơn vị để đầu tư bổ sung, kịp thời thay thế thiết bị xe máy cũ, hiệu suất thấp nhằm nâng cao năng lực thi công của các đơn vị tại các công trình.
- Tiếp tục thực hiện rà soát các dự án đầu tư (từ thủ tục đầu tư, tổ chức quản lý điều hành, TMĐT, thiết kế, dự toán, vốn, đánh giá lại hiệu quả dự án,..) để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác đầu tư.

3. Về công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Hoàn thành CPH Công ty mẹ - TCT.
- Tiếp tục triển khai phương án sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020.
- Thực hiện thoái vốn các đơn vị theo quyết định của Bộ Xây dựng phê duyệt.
- Dự án 1 vay vốn ADB: Tiếp tục thực hiện các gói thầu còn lại của dự án và báo cáo kết thúc khi Dự án hoàn thành.
- Dự án 2 vốn ADB: Tổ chức giải ngân và thực hiện các nội dung của hiệp định.

4. Về công tác Kinh tế - Tài chính:

- Làm việc với Chủ đầu tư giải quyết xong chế độ tiền lương của 08 công trình thủy điện theo Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh xã hội.
- Làm việc với Chủ đầu tư, các Bộ Ngành có liên quan để giải quyết dứt điểm các vướng mắc về kinh tế tại các công trình; Đồng thời đẩy mạnh việc thu vốn tại các công trình trọng điểm của TCT nhằm giảm thiểu giá trị dở dang.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng và các đối tác để cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư các dự án trọng điểm của TCT; Trong đó tập trung cho dự án thủy điện Xekaman 3 và trả các khoản nợ dài.
- Tiếp tục thực hiện công tác hạch toán kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo SXKD có hiệu quả, tích lũy vốn để phát triển. Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện quyết liệt kế hoạch, giải pháp tiết kiệm chi phí trong quản lý và SXKD từ TCT đến các đơn vị thành viên.

5. Về công tác tiếp thị đấu thầu:

Thực hiện chiến lược tiếp thị đấu thầu của TCT đã được phê duyệt, phần đấu năm 2017 trúng thầu đạt khoảng 10.000 tỷ đồng; Trong đó:

- Trước mắt cần bám sát các dự án điện trong nước; Đồng thời chú trọng thị trường thủy điện ở Lào và trong khu vực theo chiến lược tiếp thị đấu thầu đã được phê duyệt.
- Tiếp tục thực hiện hợp tác, liên doanh với một số nhà thầu lớn ở nước ngoài để khi có điều kiện sẵn sàng tham gia đấu thầu các gói thầu, dự án thuộc lĩnh vực, thế mạnh của TCT tại thị trường các nước khu vực theo chiến lược đấu thầu của TCT.
- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình theo chiến lược tiếp thị đấu thầu. Xây dựng mạng lưới khách hàng tiềm năng, giữ vững uy tín với các khách hàng hiện có và lựa chọn các đối tác cho từng phân khúc thị trường, từng dự án.
- Thực hiện sự chỉ đạo thống nhất từ TCT đến các đơn vị thành viên để hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện đấu thầu.

6. Công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực

- Thực hiện đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các đơn vị.
- Đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành dự án để chuẩn bị lực lượng cho các công trình thi công ngoài nước.
- Thực hiện tuyển dụng bổ sung lực lượng lao động và công nhân kỹ thuật để thi công các công trình do TCT ký hợp đồng.
- Thực hiện sắp xếp, định biên lại bộ máy điều hành Công ty mẹ - TCT đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả trong công việc.

7. Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động:

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung lực lượng thi công hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình.
- Tổ chức thực hiện quản lý kỹ thuật về thiết kế, tiến độ, nghiệm thu theo đúng quy định, kiểm soát chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng tại các công trường.
- Công tác an toàn bảo hộ lao động: Tiếp tục áp dụng, duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001. Chỉ đạo các đơn vị tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong TCT; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của TCT.

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2016 KẾ HOẠCH NĂM 2017
CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2016			%HTKH NĂM	KẾ HOẠCH NĂM 2017				
				Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			% so với UTH năm 2016
					Công ty Mẹ	Các Công ty con, Công ty liên kết			Công ty Mẹ	Các công ty TCT nắm giữ >50% VDL	Các công ty TCT nắm giữ ≤50% VDL	
A	B	C	1	2=3+4	3	4	5=2/1	6=7+8+9	7	8	9	10=6/2
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁹ đ	14.500	16.250	2.368	13.882	112	12.000	2.400	6.600	3.000	74
1	Tổng thầu xây dựng và EPC	10 ⁹ đ	9.300	9.350	1.266	8.083	101	7.750	1.525	5.330	895	83
2	Sản xuất điện	10 ⁹ đ	3.300	3.420	259	3.161	104	3.000	320	900	1.780	88
3	Kinh doanh nhà	10 ⁹ đ	1.000	1.940	41	1.899	194	250	45	-	205	13
4	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	900	1.540	802	738	171	1.000	510	370	120	65
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH											
1	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	12.600	13.599	3.442	10.157	108	10.700	1.964	6.200	2.536	79
2	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	580	783	20	763	135	500	40	310	150	64
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	215	370	116	255	172	320	116	150	54	86
4	Tỷ suất lợi nhuận											
	Lợi nhuận/Doanh thu	%	1,7	2,7	3,4	2,5	159	3,0	5,9	2,4	2,1	109,9
	Lợi nhuận/ Vốn CSH	%	2,4	4,7	4,4	4,8	193	3,8	2,6	3,8	1,7	80,4
	Lợi nhuận/ Tổng tài sản	%	0,7	1,1	0,7	1,4	148	1,2	0,9	1,4	0,4	112,0
5	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	8.840	7.900	2.650	5.250	89	8.500	4.500	3.980	3.260	108
6	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	30.000	34.980	16.500	18.480	117	27.000	13.000	11.000	13.000	77
III	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁹ đ	3.500	2.945		2.945	84	1.300		500	800	44
IV	KHỐI LƯỢNG SPCN											
1	Sản lượng điện	10 ⁶ Kwh	3.640	3.466	258	3.208	95	3.015	292	830	1.892	87

✓

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ)

Phụ lục 02

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
MST: 0100105870

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Các hình thức				
											Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	CÔNG TY MẸ TRONG NHÓM CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON (CẤP 1)														
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)						x								
-	Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà														Chuyển thành chi nhánh trực thuộc TCT
-	Công ty TNHH Phát triển Nhà Khánh Hòa									x				36%	Thoái vốn

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú	
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Các hình thức					
											Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt				
2.16	Cty TNHH TVXD Sông Đà - Ucrin	x														
3	Các công ty liên kết (cấp 2)															
3.1	Công ty CP Cơ khí lắp máy Sông Đà	x														
3.2	Công ty CP Sông Đà 2	x														
3.3	Công ty CP điện Việt - Lào	x														
3.4	CTCP Sông Đà 12	x														
3.5	CTCP thủy điện Sứ Pán 2 (Sông Đà - Hoàng Liên)	x														
3.6	CTCP ĐTP TĐT & KCN Sông Đà	x														Thoái vốn
3.7	CTCP ĐTXD & PTĐT Sông Đà	x														Thoái vốn
3.8	CTCP ĐTP T khu kinh tế Hải Hà	x														
3.9	Công ty CP BOT quốc lộ 2	x														
3.10	CTCP Sông Đà 11	x														
II	CÁC CÔNG TY TNHH MTV DO NN LÀM CHỦ SỞ HỮU															Thoái vốn

MST: 0100105870

Phụ lục số 03

**BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA CÔNG TY MẸ
TỔNG CÔNG SÔNG ĐÀ**

THỰC HIỆN NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Công ty mẹ – TCT Sông Đà:

1.1. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao:

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:

- Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của người lao động được xây dựng, ban hành theo hướng dẫn tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2016, Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội.
- Việc chi trả tiền lương cho người lao động theo các Quy chế trả lương của Công ty mẹ TCT Sông Đà do Hội đồng thành viên TCT ban hành tại Quyết định số 166/TCT-HĐTV ngày 15/6/2016; Quyết định số 290/TCT-HĐTV ngày 28/12/2016. Tiền lương của người lao động đảm bảo không thấp hơn mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định và không vượt quỹ lương được chi của Công ty mẹ. Tổng quỹ tiền lương được chi của Công ty mẹ được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh và Xã hội.
- Người lao động được trả lương gắn với trình độ được đào tạo, yêu cầu công việc, mức độ cống hiến, kinh nghiệm và năng lực trong xử lý công việc và trách nhiệm được giao.

b) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý:

- Tiền lương đối với người quản lý công ty chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả SXKD, kết quả quản lý, điều hành Công ty.
- Cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức tiền lương của chức danh cao nhất.
- Việc chi trả tiền lương, thù lao của người quản lý theo các quy định nội bộ do Tổng công ty ban hành, đảm bảo không vượt quá quỹ tiền lương hàng năm được Bộ Xây dựng thông qua.

1.2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017 (tạm tính):

*Các chỉ tiêu SXKD của Công ty Mẹ – TCT Sông Đà năm 2017:

(Nghị Quyết số 04/TCT-HĐTV ngày 10/1/2016 của Hội đồng thành viên TCT Sông Đà)

- Tổng giá trị SXKD: 2.400 tỷ đồng.

- Doanh thu: 1.964 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 116 tỷ đồng

* Quỹ tiền lương được phép chi kế hoạch năm 2017 (tạm tính):

(Xác định theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016; Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Hướng dẫn tại Thông tư số 26/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 27 /TT-BLĐTBXH ngày 1/09/2016)

- Đối với người lao động: Kế hoạch năm 2017 như sau
 - + Quỹ tiền lương : **44.007 triệu đồng.**
 - + Quỹ tiền thưởng: **4.000 triệu đồng.**
 - + Thu nhập bình quân: **14 triệu đồng/người/tháng**
- Đối với người lao động: Kế hoạch năm 2017 như sau
 - + Quỹ tiền lương: **5.975 triệu đồng.**
 - + Quỹ tiền thưởng: **28 triệu đồng.**
 - + Thu nhập bình quân: **36 triệu đồng/người/tháng**

1.3. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

a) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

- Công ty phân phối tiền lương cho người lao động theo Quy chế trả lương của Công ty mẹ TCT Sông Đà.
- Công ty mẹ TCT Sông Đà được tạm chi tối đa không quá 85% quỹ tiền lương kế hoạch của Công ty mẹ TCT theo dự toán chi phí chi tiết được TCT phê duyệt. Hàng năm, trích dự phòng quỹ tiền lương tối đa không quá 15% quỹ tiền lương được chi tối đa của Công ty mẹ để dự phòng cho quỹ tiền lương năm sau liền kề.
- Tạm ứng hàng tháng 90% tiền lương đối với người lao động
- Quỹ tiền thưởng của Người lao động hàng năm được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của TCT theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Chính sách phân phối tiền lương, thưởng đối với lao động quản lý;

- Công ty phân phối tiền lương cho người lao động quản lý theo Quy chế trả lương của Công ty mẹ TCT Sông Đà.
- Tạm ứng hàng tháng 80% tiền lương đối với người quản lý công ty.
- Tiền thưởng của Người quản lý được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả SXKD, kết quả quản lý điều hành hoặc kiểm soát. Quỹ tiền thưởng của người quản lý được trích lập theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Việc chi trả được thực hiện theo quy chế quản lý sử dụng các quỹ của Công ty mẹ TCT Sông Đà.

- Cuối năm, căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty mẹ TCT, giao cho Tổng giám đốc quyết toán quỹ tiền lương đối với người lao động đảm bảo không vượt quá quỹ tiền lương thực hiện được xác định theo quy định của Chính phủ và dự toán chi phí được duyệt.
- 2. Báo cáo Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty mẹ – TCT Sông Đà năm 2016 và kế hoạch năm 2017**

(Biểu mẫu gửi kèm theo)



**BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA CÔNG TY MẸ - TCT
THỰC HIỆN NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2016		QUỸ TIỀN LƯƠNG KH NĂM 2017
			KH 2016 (Quyết định số 47/TCT- HĐTV ngày 21/03/2016)	TH 2016	
I	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	357	318	288
2	Tiền lương bình quân	Triệu/tháng	14,00	12,73	12,73
3	Quỹ tiền lương theo tiền lương bình quân	Triệu đồng	59.978	48.591	44.007
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng		4.348	4.000
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng /tháng	14	14	14
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DN				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	14	14	14
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	27,36	27,20	27,36
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	6.894	6.894	5.975
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/ tháng	41,04	41,04	35,56
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng			
6	Tiền thưởng + thu nhập khác	Triệu đồng		28	28
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/ tháng		41	36